

OK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 07-NGK/TRIBECO BINH DUONG/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Tribeco Bình Dương

Địa chỉ: Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0274 3768771

Fax: 0247 3766149

E-mail: hcns.bd@tribeco.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 3702023469

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Công ty không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Điều 12 Nghị định 15/2018/NĐ-CP *Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm* (Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận FSSC 22000).



II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **NƯỚC CHANH DÂY TRIO**

2. Thành phần: Nước, đường, chất điều chỉnh độ acid (330, 331(iii)), nước chanh dây cô đặc (3,0 g/l), hương liệu chanh dây tổng hợp, chất ổn định (466), chất chống oxy hóa (300), phẩm màu tổng hợp (160a(i)), chất tạo ngọt tổng hợp (950, 955).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói:
 - + Đóng lon với thể tích thực ở 20 °C: 320 ml hay theo nhu cầu thị trường.
 - + Đóng thùng với thể tích thực ở 20 °C: 7,68 L (24 lon x 320 ml) hay theo nhu cầu của thị trường.
- Chất liệu bao bì: Lon nhôm, nắp nhôm. Bao bì đạt chất lượng trong thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- B: CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

- H: CÔNG TY TNHH TRIBECO MIỀN BẮC

Địa chỉ: Đường D2 Khu công nghiệp Yên Mỹ II, Thị trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Mã hóa và địa chỉ nơi sản xuất: xem bên cạnh ngày sản xuất.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.
- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn sản phẩm của nhà sản xuất: TCCS số: 07-NGK/TBCBD/2025.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.



Bình Dương, ngày 17 tháng 03 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



(Ký tên, đóng dấu) 梁永冲

DAI ZHI LIN

CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG	NƯỚC CHANH DÂY TRIO	TCCS số: 07-NGK/TBCBD/2025
------------------------------------	---------------------	-------------------------------

BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SẢN PHẨM

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dung dịch lỏng.
2	Màu sắc	Màu đặc trưng của sản phẩm.
3	Mùi vị	Thơm đặc trưng của sản phẩm không có mùi lạ, ngọt hài hòa.

2. Các chỉ tiêu hóa lý:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố	Tiêu chuẩn
1	Năng lượng	kcal/100 ml	29,6 – 44,4	Tự công bố
2	Carbohydrat	g/100 ml	7,5 – 11,2	
3	Đường tổng số	g/100 ml	6,9 – 10,3	
4	Natri	mg/100 ml	≤ 55	

3. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

Phù hợp quy chuẩn quốc gia QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	100
2	Coliform	CFU/ml	10
3	<i>E. coli</i>	CFU/ml	Không được có
4	<i>Streptococci faecal</i>	CFU/ml	Không được có
5	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	CFU/ml	Không được có
6	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/ml	Không được có
7	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/ml	Không được có
8	Tổng số nấm men và nấm mốc	CFU/ml	10

4. Chỉ tiêu kim loại nặng:

Phù hợp quy chuẩn quốc gia QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chì	mg/l	0,05



[Handwritten signature]

5. Chỉ tiêu độc tố vi nấm:

Phù hợp quy chuẩn quốc gia QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

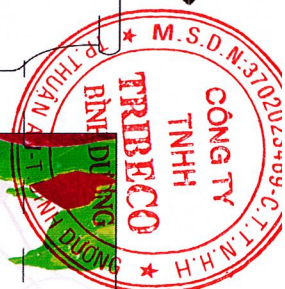
STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Patulin	µg/kg	50

6. Chỉ tiêu dư lượng thuốc bảo vệ thực vật:

Phù hợp quy chuẩn quốc gia QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Piperonyl butoxid	mg/l	0,05





TRIBECO



TRIBECO



**NƯỚC CHANH DÂY TRIO
TRIO PASSION FRUIT DRINK**

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 ml

Năng lượng	37 kcal
Carbohydrat	9,3 g
Đường tổng số	8,6 g
Natri	≤ 55 mg

Thành phần: Nước, đường, chất điều chỉnh độ acid (330, 331(iii)), nước chanh dây cô đặc (3,0 g/l), hương liệu chanh dây tổng hợp, chất ổn định (466), chất chống oxy hóa (300), phẩm màu tổng hợp (100a(i)), chất tạo ngọt tổng hợp (950, 955).

Hướng dẫn sử dụng: Lắc đều trước khi uống, ngon hơn khi uống lạnh. Dùng ngay sau khi mở nắp. Được làm từ nước chanh dây cô đặc nên các thành phần có thể bị lắng, tuy nhiên chất lượng không thay đổi, vẫn an toàn để sử dụng.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp của mặt trời. **Thông tin cảnh báo:** Không dùng sản phẩm quá hạn sử dụng.

MSX & HSD: Xem dưới đây lon.
Số TGB: 07-NGK/TRIBECO BÌNH DƯƠNG/2025



Uni-President

Sản phẩm của:
CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG
Số 8 đường số 11, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Sản xuất tại:
B: CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG
Số 8 đường số 11, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
H: CÔNG TY TNHH TRIBECO MIỀN BẮC
Đường 02 Khu công nghiệp Yên Mỹ II, Thị trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Tư vấn khách hàng:
Chamsokchachang@tribeco.com.vn
Đường dây nóng:
02743769884 - 02716283628



Sản xuất tại Việt Nam.



Nước
Chanh Dây

Nước chanh dây cô đặc (3,0 g/l)

Thể tích thực ở 20 °C: 320 ml



Passion Fruit
Drink

Passion fruit juice concentrate (3,0 g/l)

Net content at 20 °C: 320 ml

18.02
N.T. Loan
Đỗ Thị Hân
Lê Dung
18.02.2025
Linh Anh Li Kun

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/01/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Z283A2741

Mã KQ/ RP. No: 001006159.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG**
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 21/01/2025
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : 21/01/2025 - 26/01/2025
5. Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **NƯỚC CHANH DÂY TRIO**
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong lon nhôm kín
7. Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Năng lượng/ Energy	36	kcal/100mL	-	Calculate (included testing fat, carbohydrate, protein, food composition)
2	Chất đạm (*)/ Total protein (*)	Không phát hiện/ Not Detected	g/100mL	0.1	TS-KT-HCB-001:2018
3	Chất béo (*)/ Total fat (*)	Không phát hiện/ Not Detected	g/100mL	0.1	TS-KT-HCB-002:2018
4	Carbohydrat (*)/ Carbohydrate (*)	8.98	g/100mL	-	TS-KT-HCB-004:2020
5	Đường tổng số (*)/ Total sugar (as glucose) (*)	7.96	g/100mL	-	TS-KT-HCB-003:2018 (Ref. TCVN 4594:1988)
6	Natri (Na) (*)/ Sodium (Na) (*)	39.2	mg/100mL	-	TS-KT-QP-01:2018 (Ref. TCVN 9588:2013, AOAC 999.11)
7	Chì (Pb) (*)/ Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-27:2021
8	Patulin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	1.15	TS-KT-SK-65:2018 (Ref. AOAC 2000.02)
9	Piperonyl butoxid (*) / Piperonyl butoxide (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-SK-14:2020
10	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*)/ Total aerobic microorganisms (*)	< 1	CFU/mL	-	ISO 4833-1:2013/Amd1:2022
11	Coliforms (*)	< 1	CFU/mL	-	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
12	<i>Escherichia coli</i> (*)	< 1	CFU/mL	-	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
13	<i>Streptococci faecal</i> (*)	< 1	CFU/mL	-	TS-KT-VS-31:2019
14	<i>Staphylococcus aureus</i> (*)	< 1	CFU/mL	-	AOAC 975.55
15	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> (*)	< 1	CFU/mL	-	TS-KT VS-30:2019

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/01/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Z283A2741

Mã KQ/ RP. No: 001006159.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
16	<i>Clostridium perfringens</i> (*)	< 1	CFU/mL	-	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
17	Tổng số nấm men nấm mốc (*)/ Yeasts and Moulds (*)	< 1	CFU/mL	-	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)

Chú thích/ Remarks:

Theo phương pháp thử, khi không chứa bất kỳ khuẩn lạc nào trên đĩa, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g (sản phẩm dạng khác) hoặc nhỏ hơn 1 CFU/mL (sản phẩm dạng lỏng) có nghĩa là không phát hiện vi sinh vật trên phần mẫu thử./ When there is no colony on the plate, the test method indicates that the result is less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/mL that mean not detected microbiology per testing sample.

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

LÝ BÁ HÀO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HUỖNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04